

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hai
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường 6 - trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1383/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2022/QĐXX-ST ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 407/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: khu phố X, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: khu phố X, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90/2016, ngày 19/09/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Đ thường có lời lẽ xúc phạm đến danh dự của bà và gia đình, anh chị em của bà; hay tụ tập ăn nhậu, bỏ bê công việc. Vợ chồng đã nhiều lần cùng ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Bà với ông Đ đã ly thân từ đầu năm 2021, bà về nhà cha mẹ ruột tại phường Hóa An, thành phố Biên Hòa sinh sống. Bà xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Bà và ông Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Đ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Đ vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị T đối với ông Nguyễn Văn Đ; về quan hệ hôn nhân cho bà T được ly hôn với ông Đ; về con chung: bà T khai không có con chung nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung: bà T khai không có, ông Đ vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu; về nợ chung: do bà T khai không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp

Bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Đ. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà T là nguyên đơn, ông Đ là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Hồ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (ông Đ trực tiếp ký nhận). Tuy nhiên, ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông Đ theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Văn Đ chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90/2016, ngày 19/09/2016. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp.

Xét thấy, bà T xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã cố gắng hòa giải những mâu thuẫn để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Đối với ông Đ: Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Đ theo đúng quy định của pháp luật, ông Đ đã ký nhận nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông Đ có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của hai người, không có ý định hòa giải, đoàn tụ. Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Biên Hòa ngày 28/6/2022, theo nội dung văn bản xác minh: *“Ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị T có đăng ký thường trú tại khu phố X, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Về tình trạng mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm bắt được do ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị T không làm đơn yêu cầu hòa giải cơ sở và cũng không khai báo mâu thuẫn gì cho địa phương biết. Hiện tại ông Nguyễn Văn Đ đang cư trú tại nhà ông Đ tại khu phố X, phường Q, thành phố Biên Hòa. Còn bà Hồ Thị T không còn ở cùng ông Đ nữa mà đã qua ở phường Hóa An, thành phố Biên Hòa”*.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Hồ Thị T khai không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Bà Hồ Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết, ông Đ vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Bà T, ông Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.4] Về nợ chung: Bà Hồ Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T đối với ông Nguyễn Văn Đ về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: bà Hồ Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Hồ Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết, ông Đ vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Bà T, ông Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà Hồ Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001576 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

